

BÀI 8

JAVASCRIPT **dùng cho Front End**

PHAN LONG

FB: PHANLONGIT

I. CÁCH VIẾT HIỆU ỨNG BẰNG JAVASCRIPT

Mục đích:

- * Không phụ thuộc vào jquery*
- * Để web load nhanh hơn*

1. Dựa vào thẻ HTML:

a. `getElementsByTagName`: truy xuất đến thẻ html

Cú pháp: `document.getElementsByTagName('h1')`

(document: file HTML; get: lấy; Elements: các thẻ; TagName: tên thẻ)

Ví dụ: bài 16

```
var p1=document.getElementsByTagName('p');  
console.log(p1);
```

Nội dung thẻ sẽ hiện trong thuộc tính **`innerHTML`**

b. Thuộc tính innerHTML

Giúp set, hoặc get đoạn mã HTML của một phần tử nào đó trên trang web

Ví dụ: `console.log(p1[1].innerHTML);` // lấy giá trị của thẻ p

Hoặc có thể sử dụng để thay thế nội dung HTML

Cú pháp: `tenThe.innerHTML="nội dung mới";`

Ví dụ: `p1[1].innerHTML="nội dung đã bị hack";`

Bài tập: thay đổi các nội Title trong card thành các nút

Gợi ý: sử dụng vòng lặp

c. getElementById: truy xuất 1 thẻ duy nhất dựa vào id
Cú pháp: getElementById(tenid); //Element (không có s)

Ví dụ:

```
var x2=document.getElementById('td');  
console.log(x2);
```

d. getElementsByClassName: Truy xuất dựa vào class trả về 1 mảng

Cú pháp: document.getElementsByClassName('ten class')

Ví dụ: chèn 1 card-desks

```
var x=document.getElementsByClassName('card-title');  
console.log(x); //xuất các phần tử
```

Thay đổi nội dung : cho các thẻ Title (tự làm)

e. **querySelector()**: trả về phần tử đầu tiên trong tập hợp các kết quả được tìm thấy.

Cú pháp: `document.querySelector('.tenClass');`

Ví dụ:

```
var x=document.querySelector('.list-group-item');  
console.log(x);
```

f. **querySelectorAll()**: trả về tất cả kết quả được tìm thấy.

Kết quả là một mảng

Cú pháp: `document.querySelectorAll('.tenClass');`

Ví dụ:

```
var y= document.querySelectorAll('.card .card-text');  
console.log(y);
```

2. Hàm xử lý giao diện:

a. `classList.remove`: Xóa một class

Cú pháp: `classList.remove('tenClass')`

Ví dụ:

```
var x1=document.querySelectorAll('.n1');  
console.log(x1[0].classList.remove('btn-outline-info'));
```

Xóa Class btn-outline-info của nút thứ nhất

b. `classList.add`: thêm một class

Cú pháp: `classList.add('tenClass')`

Ví dụ:

```
var x1=document.querySelectorAll('.n1');  
console.log(x1[0].classList.add('btn-warning'));
```

Thêm Class btn-warning của nút thứ nhất

c. `classList.toggle`: Xóa hoặc thêm một class, nếu có rồi thì xóa, chưa có thì thêm (tự động)

Cú pháp: `classList.toggle('tenClass')`

Ví dụ:

```
var x3=document.querySelectorAll('.n3');
```

```
x3[0].classList.toggle('btn');
```

Xóa Class btn của nút thứ ba

```
x3[0].classList.toggle('btn-block');
```

thêm Class btn-block của nút thứ ba